



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026 (Dự thảo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	2	3
I. Chỉ tiêu tài sản và vốn		
1.a. Tài sản cố định (Tổng cuối kỳ)	18 183	17 444
- Tổng TSCĐ hữu hình còn lại	2 172	1 433
- Tổng TSCĐ vô hình	16 011	16 011
- Tăng trong năm	0	
- Giảm trong năm	0	
b. Kế hoạch khấu hao cơ bản		
2. Nguồn vốn đầu tư		
- Vay trung và dài hạn		
- Vay ngắn hạn		
- Từ các quỹ đơn vị		
- Vay các tổ chức cá nhân khác		
3. Liên doanh, liên kết		
- Vay trung và dài hạn		
- Từ các quỹ đơn vị		
4. Vốn lưu động định mức		
- Định mức theo nhiệm vụ kế hoạch	55 000	57 000
- Vốn lưu động hiện có	42 737	43 000
- Số cần bổ sung	12 263	14 000
Trong đó - Dự kiến vay ngân hàng	12 263	14 000
- Huy động từ các tổ chức kinh tế và CBCNV		
5. Doanh thu:	453 938	455 000
- Doanh thu theo khối lượng hoàn thành	453 938	455 000
- Doanh thu khác		
II. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận		
- Lợi nhuận trước thuế	7 638	7 650
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1 528	1 530
- Tổng lợi nhuận sau thuế	6 110	6 120
+ Trích các quỹ (Đầu tư phát triển, KTPL)	3 860	3 870
+ Tổng cổ tức	2 250	2 250
III. Các khoản phải nộp		
1. Các khoản nộp ngân sách trong năm	4 497	4 830
- Thuế GTGT	2 526	2 850
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1 528	1 530
- Thuế khác	443	450
2. Cổ tức	2 250	2 250
- Cổ tức, tổng cổ tức	2 250	2 250
- Tỷ lệ cổ tức (%)	4.5	4.5

Kế toán trưởng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Quang Diệu



Giám đốc công ty


GIÁM ĐỐC
Trương Việt Lương



NHỮNG CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU NĂM 2026

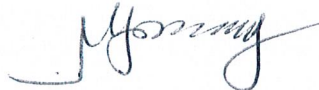
Dự thảo

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
I. Giá trị tổng sản lượng	Tr.đg	489 521	500 000
1. Giá trị tổng sản lượng xây lắp thực hiện	Tr.đg	488 321	498 000
2. Giá trị sản xuất khác (Tư vấn, Tkế, Khảo sát...)	Tr.đg	1 200	2 000
II. K.lượng xây lắp chủ yếu thực hiện	Tr.đg	489 521	500 000
III. Lao động và tiền lương			
1. Lao động	Người	222	250
- Tổng số CNVC trong biên chế	Người	139	150
- Tổng số CNV thời vụ	Người	83	100
2. Tổng quỹ lương	Tr.đg		
- Lương bình quân người/tháng	1000đ	8 190	8 900
- Thu nhập bình quân người tháng	1000đ	8 290	9 000
IV. Doanh thu	Tr.đg	453 938	455 000
1. Tổng doanh thu	Tr.đg	453 938	455 000
Trong đó: Doanh thu xây lắp	Tr.đg	451 834	453 000
-Doanh thu tư vấn xây dựng và khảo sát và sx khác	Tr.đg	2 104	2 000
-Doanh thu khác			
2. Tổng doanh thu nộp thuế	Tr.đg	453 938	455 000
V. Các khoản nộp			
1. Các khoản phải nộp thuế trong năm	Tr.đg	4 497	4 830
-Thuế GTGT	Tr.đg	2 526	2 850
-Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đg	1 528	1 530
-Thuế khác (TTNCN, khác	Tr.đg	443	450
2. Các khoản phải nộp khác	Tr.đg	3 314	3 350
- Nộp khác: Nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, CĐ	Tr.đg	3 314	3 350
VI. Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	Tr.đg	7 638	7 650
VII. Trích các quỹ	Tr.đg	3 860	3 870
VIII. Tổng cổ tức	Tr.đg	2 250	2 250
- Tỷ lệ cổ tức	%	4.5	4.5

Tr.P Kinh tế kỹ thuật

Kế toán trưởng

Giám đốc công ty


T/L GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ - KỸ THUẬT
Mai Thị Ánh Phương


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Quang Diệu




GIÁM ĐỐC
Trương Việt Lương